

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

*(Ban hành theo Quyết định số 1975/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7310205

Nghệ An, 2018

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	4
DANH SÁCH BẢNG.....	5
DANH SÁCH HÌNH.....	5
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	6
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
2.1. Thông tin chung	Error! Bookmark not defined.
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	8
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	9
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	13
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	13
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập	13
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	14
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo	15
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học.....	19
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT.....	19
3.4. Kế hoạch giảng dạy.....	21
3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học	25
3.6. Ma trận kỹ năng	27
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	27
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	52
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	53
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	57
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN	Error!

Bookmark not defined.

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	9
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	13
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT	15
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT	19
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH	23
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần.....	Error! Bookmark not defined.

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Ma trận kỹ năng	Error! Bookmark not defined.
--	------------------------------

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu tổng quan về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Sư phạm Vinh và hiện nay là Trường Đại học Vinh đã trải qua quá trình hình thành và phát triển hơn 62 năm.

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.855.452; Fax: 02383.855269

E-mail: vinhuni@hn.vnn.vn Website: www.vinhuni.edu.vn

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Ba năm sau đó, ngày 28/8/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định bước phát triển của Nhà trường trong xu thế hội nhập. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Với những thành tựu quan trọng của nhà trường đã thể hiện sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và Đào tạo ghi nhận và đánh giá cao.

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng. Trường Đại học Vinh xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh NCKH - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực.

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế. Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một cơ sở giáo dục đại học năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tự do học thuật trên tinh thần dân chủ, tự chủ, bình đẳng. Tăng cường tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; phát huy trí tuệ, sức mạnh của tập thể và cá nhân; tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, Ban, Ngành Trung ương, các địa phương; huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng, chủ động và tăng cường hợp tác quốc tế để thúc đẩy Nhà trường phát triển bền vững; lấy người học làm trung tâm; ưu tiên đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu xã hội

và phục vụ cộng đồng, đóng góp đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Với sứ mạng là trung tâm đổi mới sáng tạo, Nhà trường đặt ra mục tiêu lý tưởng cho lộ trình 10 năm tới là xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành Đại học thông minh. Đại học thông minh là một khái niệm liên quan đến việc hiện đại hóa toàn diện mọi quá trình giáo dục, đó là nơi chia sẻ kiến thức một cách liền mạch và là một hệ thống xanh, mạnh mẽ, được cá nhân hóa, có trách nhiệm, tương tác và thích nghi, cũng như có thể truy cập mọi nơi, mọi lúc và từ mọi thiết bị. Đặc trưng của đại học thông minh là được hỗ trợ bằng công nghệ thông minh, sử dụng các công cụ thông minh và thiết bị thông minh (điển hình là thiết bị di động thông minh), mạng thế hệ mới, các ứng dụng phần mềm tương tác cao.

Tầm nhìn chiến lược: Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á; “Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á”.

Lộ trình của tầm nhìn này được tạo dựng trên cơ sở khi nhà trường đang hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại, ứng dụng phần mềm thông minh và công nghệ số trong quá trình quản lý điều hành và sự nghiệp giáo dục đào tạo của mình.

Bên cạnh đó, với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao, sản phẩm đầu ra đạt chất lượng đáp ứng tốt với thị trường lao động, có mạng lưới hợp tác phát triển rộng khắp trong nước và nước ngoài, nhà trường có căn cứ và động lực để phấn đấu xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á (bảng xếp hạng QS Asia - xếp hạng các trường đại học Châu Á dựa vào các chỉ số liên quan đến uy tín của cơ sở giáo dục trong thế giới việc làm và môi trường học thuật).

Về triết lý giáo dục, Trường xác định: “Hợp tác – Sáng tạo”. Hợp tác (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Hợp tác là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác.

Sáng tạo (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng – Thiết kế - Triển khai – Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm. Trong giai đoạn hiện nay, hội nhập và toàn cầu hóa đã trở thành xu thế của thế giới, với thời đại mà khoa học đã thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp,

có sự tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Trong bối cảnh đó, giáo dục đã trở thành nhân tố quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục - đào tạo. Đặc biệt khi việc đào tạo theo nhu cầu của xã hội, nhu cầu của doanh nghiệp đã trở thành nhân tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội thì việc tiếp cận CDIO là cách tiếp cận phát triển, phù hợp xu thế, khuynh hướng phát triển của thế giới, gắn phát triển chương trình với chuyển tải và đánh giá hiệu quả giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo tại Trường Đại học Vinh trong xu thế đổi mới và hội nhập.

1.2. Giới thiệu về Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn

Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn được công bố thành lập ngày 24/7/2018, thực hiện theo Đề án tổng thể tái cấu trúc Nhà trường từ ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở sáp nhập Bộ môn Triết học, Bộ môn Lý luận Chính trị, Bộ môn Chính trị học (Từ khoa Giáo dục chính trị); Bộ môn Báo chí (từ khoa Ngữ Văn); Bộ môn Du lịch và Quản lý văn hóa, Bộ môn Công tác xã hội (từ khoa Lịch sử). Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn là đơn vị thuộc Trường Đại học Vinh, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và phục vụ cộng đồng. Sau khi thành lập, Viện có 05 Tổ bộ môn, và 01 Tổ Hành chính - Văn phòng.

Tính đến tháng 8/2018, Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn có tổng số viên chức là 43 người, có học hàm 04 Phó giáo sư (PGS Nguyễn Lương Bằng, PGS Đinh Thế Định, PGS Bùi Văn Hào, PGS Trần Viết Quang, PGS Nguyễn Thái Sơn) , học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ. Trường đang quản lý 7 ngành đào tạo đại học, 2 ngành đào tạo cao học và 1 ngành đào tạo nghiên cứu sinh.

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Quản lý nhà nước
2.	Mã số ngành đào tạo:	7310205
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân quản lý nhà nước
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Các ngành khoa học XH&NV
7.	Hình thức đào tạo:	Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	125
9.	Thang điểm:	10 (điểm số), 4 (điểm chữ)
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	8/2018
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	8/2018

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo cử nhân quản lý nhà nước có kiến thức cơ bản về quản lý, những kiến thức chuyên sâu về quản lý hành chính nhà nước về các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội; cung cấp một số kỹ năng cơ bản trong thực thi nhiệm vụ giúp người học có khả năng thực hiện được các công việc quản lý hành chính thuộc khu vực công hoặc khu vực tư; trung thành với Đảng, Nhà nước; có ý thức tổ chức kỷ luật; chuyên nghiệp, sáng tạo và không ngừng đổi mới.

Mục tiêu cụ thể:

PO1:	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn và kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước
PO2:	Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề trong quản lý nhà nước
PO3:	Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp
PO4:	Có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế

2.3. 3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp độ 3)

Ký hiệu CDR	Chủ đề CDR	TDNL
1	Kiến thức và lập luận ngành	
PLO 1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào lĩnh vực quản lý nhà nước	
1.1.1	Trình bày kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật	2.5
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học	3.0
1.1.3	Vận dụng kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa	3.0
PLO 1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành quản lý nhà nước	
1.2.1	Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước	3.0
1.2.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật	3.0
1.2.3	Vận dụng kiến thức đại cương về quản lý nhà nước	2.5
1.2.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội	3.0
PLO 1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản lý nhà nước	
1.3.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý	3.5
1.3.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, hành chính trong quản lý nhà nước	3.5
1.3.3	Vận dụng các chính sách, pháp luật trong quản lý nhà nước	3.5
1.3.4	Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	3.5
1.3.5	Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội	3.5
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	

PLO 2.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân	
2.1.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn trong quản lý nhà nước	3.0
2.1.2	Có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	3.0
2.1.3	Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước	3.0
2.1.4	Quản lý thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước	3.0
PLO 2.2	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp	
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng	3.0
2.2.2	Thể hiện đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước	3.0
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
PLO 3.1	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm trong quản lý nhà nước	
3.1.1	Tổ chức nhóm	3.0
3.1.2	Lập kế hoạch hoạt động nhóm	3.0
3.1.3	Triển khai hoạt động nhóm	3.0
PLO 3.2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong quản lý nhà nước	
3.2.1	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản trong quản lý nhà nước	3.0
3.2.2	Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, giao tiếp đa phương tiện trong quản lý nhà nước	3.0
4	Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước	
PLO 4.1	Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức	
4.1.1	Trình bày bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	3.0
4.1.2	Lý giải tác động của xã hội đối với hoạt động quản lý nhà nước và ngược lại	3.0
4.1.3	Xác định vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức	3.0
4.1.4	Phân tích cơ cấu và các bên liên quan của cơ quan quản lý nhà nước	4.0
4.1.5	Xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước	4.0
PLO 4.2	Hình thành ý tưởng trong quản lý nhà nước	
4.2.1	Phân tích mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý	4.0
4.2.2	Lựa chọn mô hình quản lý	4.0
4.2.3	Phân tích điều kiện thực hiện hoạt động quản lý	4.0
PLO 4.3	Lập kế hoạch trong quản lý nhà nước	
4.3.1	Xây dựng nội dung quản lý	4.0
4.3.2	Lựa chọn phương thức quản lý	4.0

4.3.3	Lựa chọn công cụ quản lý	4.0
PLO 4.4	Thực hiện kế hoạch trong quản lý nhà nước	
4.4.1	Triển khai thực hiện kế hoạch quản lý	4.0
4.4.2	Kiểm soát hoạt động quản lý	4.0
4.4.3	Tư vấn, hỗ trợ, xử lý tình huống nảy sinh trong quản lý	4.0
PLO 4.5	Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước	
4.5.1	Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý	4.0
4.5.2	Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động quản lý	4.0
4.5.3	Điều chỉnh hoạt động quản lý	4.0

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
PO1	✓	✓	✓									
PO2				✓	✓							
PO3						✓	✓					
PO4								✓	✓	✓	✓	✓

2.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp độ 3)

Ký hiệu CĐR	Chủ đề CĐR	TĐNL
1	Kiến thức và lập luận ngành	
PLO 1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào lĩnh vực quản lý nhà nước	
1.1.1	Trình bày kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật	2.5
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học	3.0
1.1.3	Vận dụng kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa	3.0
PLO 1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành quản lý nhà nước	
1.2.1	Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước	3.0
1.2.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật	3.0
1.2.3	Vận dụng kiến thức đại cương về quản lý nhà nước	2.5
1.2.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội	3.0
PLO 1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản lý nhà nước	
1.3.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý	3.5
1.3.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, hành chính trong quản lý nhà nước	3.5

1.3.3	<i>Vận dụng</i> các chính sách, pháp luật trong quản lý nhà nước	3.5
1.3.4	<i>Vận dụng</i> kiến thức quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	3.5
1.3.5	<i>Vận dụng</i> kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội	3.5
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
PLO 2.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân	
2.1.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn trong quản lý nhà nước	3.0
2.1.2	Có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	3.0
2.1.3	Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước	3.0
2.1.4	Quản lý thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước	3.0
POL 2.2	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp	
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng	3.0
2.2.2	Thể hiện đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước	3.0
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
PLO 3.1	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm trong quản lý nhà nước	
3.1.1	Tổ chức nhóm	3.0
3.1.2	Lập kế hoạch hoạt động nhóm	3.0
3.1.3	Triển khai hoạt động nhóm	3.0
PLO 3.2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong quản lý nhà nước	
3.2.1	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản trong quản lý nhà nước	3.0
3.2.2	Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, giao tiếp đa phương tiện trong quản lý nhà nước	3.0
4	Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước	
PLO 4.1	Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức	
4.1.1	Phân tích bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	4.0
4.1.2	Phân tích tác động của xã hội đối với hoạt động quản lý nhà nước và ngược lại	4.0
4.1.3	Phân tích vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức	4.0
4.1.4	Phân tích cơ cấu và các bên liên quan của cơ quan quản lý nhà nước	4.0
4.1.5	Xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước	4.0
PLO 4.2	Hình thành ý tưởng trong quản lý nhà nước	
4.2.1	Phân tích mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước	4.0
4.2.2	Lựa chọn mô hình quản lý	4.0
4.2.3	Phân tích điều kiện thực hiện hoạt động quản lý	4.0
PLO 4.3	Lập kế hoạch trong quản lý nhà nước	

4.3.1	<i>Xây dựng</i> nội dung quản lý	4.0
4.3.2	<i>Lựa chọn</i> phương thức quản lý	4.0
4.3.3	<i>Lựa chọn</i> công cụ quản lý	4.0
PLO 4.4	Thực hiện kế hoạch trong quản lý nhà nước	
4.4.1	<i>Triển khai</i> thực hiện kế hoạch quản lý	4.0
4.4.2	<i>Kiểm soát</i> hoạt động quản lý	4.0
4.4.3	<i>Tư vấn, hỗ trợ, xử lý</i> tình huống nảy sinh trong quản lý	4.0
PLO 4.5	Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước	
4.5.1	<i>Xây dựng</i> tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý	4.0
4.5.2	<i>Đánh giá</i> kết quả thực hiện hoạt động quản lý	4.0
4.5.3	<i>Điều chỉnh</i> hoạt động quản lý	4.0

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Làm cán sự/chuyên viên thuộc các cơ quan công quyền, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội khu vực công và khu vực tư.
- Làm nghiên cứu viên về khoa học hành chính, khoa học quản lý ở các cơ sở nghiên cứu, cơ quan tham mưu hoạch định chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Giảng dạy về khoa học hành chính, khoa học quản lý tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.
- Có thể tiếp tục học ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ các chuyên ngành: Quản lý nhà nước, Luật, Chính trị học, Chính sách công, v.v..

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Vinh.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ 125 tín chỉ của CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học, có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất theo quy định và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Bảng 2.2. Sự tương thích giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
--	--

Hoạt động GD và HT	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
Thuyết trình	✓	✓	✓					✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓			✓
Tự học	✓	✓	✓		✓				✓	✓		
Bài tập		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Thang điểm và các thành phần đánh giá (đối với các học phần)

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	- Ý thức, thái độ học tập	- Rubric 1		10%
A.1.2	- Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án		20%
	- Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Rubric 2		
A1.3 Đánh giá giữa kỳ	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án		20%
A2. Đánh giá cuối kỳ				50%
A2	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án		50%
	- Thi trắc nghiệm: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ			
	- Tiểu luận: GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Rubric 3		
Công thức tính điểm tổng kết: $a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.2 + a3 \times 0.2 + a4 \times 0.5$.				
Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm đánh giá giữa kỳ; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.				

*** Các hình thức đánh giá, tiêu chí đánh giá và mối liên hệ giữa các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT**

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của CTĐT											
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
Hoạt động nhóm	Rubrics	✓		✓	✓		✓	✓			✓	✓	✓
Bài tập	Đáp án	✓	✓	✓	✓								
Trắc nghiệm khách quan	Đáp án	✓	✓	✓									
Tự luận	Đáp án	✓		✓		✓		✓	✓				
Tiểu luận	Rubrics	✓		✓		✓			✓	✓	✓		

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

Bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh với CTĐT của các cơ sở đào tạo khác: Trường Đại học Quy Nhơn; Học viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Quy Nhơn	Học viện Báo chí – Tuyên truyền Hà Nội
<i>Mục tiêu tổng quát</i>	Đào tạo cử nhân QLNN có kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động QLNN trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	Đào tạo cử nhân QLNN cơ bản đạt chuẩn nghề nghiệp theo các quy định hiện hành.	Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững kiến thức chuyên môn về QLHCNN; có khả năng tham mưu, tư vấn cho các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn trong bộ máy nhà nước về lãnh đạo, QLHCNN; có khả năng trực tiếp tham gia quản lý những lĩnh vực khác nhau thuộc các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; có khả năng nghiên cứu và giảng dạy môn học QLHCNN; có cơ

			hội học tập bậc SDH ngành QLNN trong và ngoài nước.
<i>Mục tiêu cụ thể</i>	- Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước; kiến thức về tin học và ngoại ngữ. - Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý nhà nước - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp - Có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế	- Kiến thức cơ bản, hiện đại về nền hành chính nhà nước và QLNN; kiến thức về sự phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam bối cảnh hiện nay; kiến thức về tin học và ngoại ngữ. - Kỹ năng: kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác; kỹ năng thực công việc, xử lý tình huống. - Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: tự định hướng, thích nghi với công trong những môi trường khác nhau; tự học tập, tích lũy, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm; đưa ra các quyết định; lập kế hoạch; đánh giá và cải tiến các hoạt động hành chính, công vụ.	- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, quốc phòng an ninh; kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất; kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành QLNN; kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng và ngoại ngữ - Có kỹ năng xử lý tình huống; tiếp cận, xử lý thông tin; giao tiếp, hợp tác; sử dụng dụng ngôn ngữ lời nói, văn bản; nhận diện, tham vấn, xử lý các tình huống quản lý hành chính nhà nước... - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong làm việc khoa học và văn hóa giao tiếp
<i>Chuẩn đầu ra</i>			
Cấp 1	- Kiến thức và lập lập ngành - Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	- Yêu cầu tối thiểu về kiến thức - Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng	- Kiến thức - Kỹ năng - Năng lực tự chủ và trách nhiệm

	- Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp - Năng lực CDIO	- Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp	
Cấp 2	- Kiến thức và lập lập ngành + Kiến thức cơ bản về chính trị và khoa học xã hội - nhân văn + Kiến thức tin học, ngoại ngữ + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành - Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp + Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý + Nghiên cứu, khám phá tri thức + Phát triển năng lực cá nhân + Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp + Phẩm chất chính, đạo đức, tác phong nghề nghiệp - Năng lực CDIO + Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức + Hình thành ý tưởng-lập kế hoạch - thực hiện - đánh giá hoạt động QLNN	- Yêu cầu tối thiểu về kiến thức + Kiến thức cơ bản, chuyên sâu và có hệ thống về nền hành chính nhà nước và QLNN + Kiến thức về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh - quốc phòng - Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng + Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề + Kỹ năng tiếp cận, xử lý thông tin + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu + Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp + Kỹ năng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau. - Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp + Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp + Trung thực, tận tụy, khiêm tốn, tự giác, cầu	- Kiến thức + Kiến thức đại cương + Kiến thức cơ sở ngành + Kiến thức ngành + Kiến thức chuyên ngành - Kỹ năng + Kỹ năng chung: xử lý tình huống; tiếp cận, xử lý thông tin; hợp tác; sử dụng dụng ngôn ngữ lời nói, văn bản... + Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành quản lý hành chính nhà nước: nhận diện, tham vấn, xử lý các tình huống quản lý hành chính nhà nước; thực hiện công việc quản lý hành chính nhà nước... - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Thích nghi với môi trường làm việc và các hoạt động quản lý hành chính nhà nước + Dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán sự trong cơ quan, tổ chức + Lập lập kế hoạch, điều phối, phát huy dân chủ, sự sáng tạo và năng lực của tập thể, cá

		<i>thị, cầu tiến, tôn trọng và tuân thủ kỷ luật</i> + Có ý thức và thể hiện trách nhiệm đối với Tổ quốc, nhân dân, cơ quan, đơn vị.	nhân khác; liên kết và phối hợp + Phát triển năng lực cá nhân: học tập, tích lũy tri thức, kinh nghiệm + Sử dụng và quản lý thời gian phù hợp + Làm việc dưới áp lực của môi trường quản lý
Đề cương chương trình	CDIO	Thông thường	Thông thường
Số tín chỉ	125 TC	135 TC	132 TC

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Bảng 3.1. Sự tương thích giữa các mô-đun của CTDH với CDR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
				tạo											
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
Giáo dục đại cương	1. Lý luận chính trị và khoa học xã hội - nhân văn	38	30,4%	✓			✓		✓	✓					
	2. Tin học và ngoại ngữ	10	8%		✓					✓					
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Cơ sở ngành	33	26,4%			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	5. Chuyên ngành	44	35,2%				✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tổng		125	100%												

3.2. Các học phần theo mô – đun

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
Giáo dục đại cương			48
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
2	POL20001	Lôgic hình thức	3
3	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	4
4	HIS20001	Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn	3
5	ENG10001	Tiếng Anh 1	3
6	LAW20002	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	3
7	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin	5
8	EDU20004	Tâm lý học đại cương	3
9	INF20002	Tin học	3
10	SOW20001	Xã hội học đại cương	3
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	(3)
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác QPAN)	(2)
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng...)	(3)
	SP010001	Giáo dục thể chất	(5)
11	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
12	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3
13	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	4
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	3
15	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

Giáo dục chuyên nghiệp			77
	Các học phần cơ sở ngành		33
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước	3
17	SMT30001	Kinh tế học đại cương	4
18	LAW30006	Luật hiến pháp	4
19	SMT20002	Tác phẩm Mác – Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	5
20		Tự chọn 1	2
21	SMT30004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	4
22	LAW30014	Pháp luật Việt Nam	5
23	SMT30005	Phương pháp NCKH ngành Quản lý nhà nước	3
24	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	4
	Các học phần chuyên ngành		44
25	POL30013	Triết học	4
26	POL30026	Chính sách công	3
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội	4
28	POL30021	Hành chính học	4
29	LAW30005	Luật hành chính	5
30		Tự chọn 2	2
31	POL30032	Khoa học quản lý	3
32	LAW20003	Luật kinh tế	3
33	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế	4
34	SMT30012	Quản lý nhà nước về tài chính	3
35	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	3
36	SMT30013	Thực tập cuối khóa	5

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	SMT30002	Tổ chức chính quyền cơ sở	2
2	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính	2
3	HIS20005	Kỹ năng làm việc nhóm	2

Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	SMT30007	Nghịệp vụ văn thư lưu trữ	2
2	SMT30008	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức	2
3	SMT30009	Kỹ năng tổ chức công sở	2

3.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
Giáo dục đại cương														
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	☐	☐		☐	☐							
2	POL20001	Lôgic hình thức	☐			☐	☐							
3	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	☐	☐		☐	☐							
4	HIS20001	Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn	☐			☐	☐							
5	ENG10001	Tiếng Anh 1				☐	☐							
6	LAW20002	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	☐	☐		☐	☐							
7	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin						☐	☐					
8	EDU20004	Tâm lý học đại cương							☐					
9	INF20002	Tin học												
10	SOW20001	Xã hội học đại cương		☐	☐	☐	☐	☐			☐			
11	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN												
12	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	☐							☐				
13	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam						☐	☐					
14	ENG10002	Tiếng Anh 2				☐	☐							
15	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh		☐		☐	☐			☐			☐	
Giáo dục chuyên nghiệp														
Các học phần cơ sở ngành														
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước		☐		☐	☐			☐	☐	☐		
17	SMT30001	Kinh tế học đại cương		☐		☐	☐			☐			☐	
18	LAW30006	Luật hiến pháp		☐		☐	☐	☐		☐			☐	

19	SMT20002	Tác phẩm Mác – Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
20		Tự chọn 1	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
21	SMT30004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
22	LAW30014	Pháp luật Việt Nam	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
23	SMT30005	Phương pháp NCKH ngành Quản lý nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
24	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
25	POL30013	Triết học	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
Các học phần chuyên ngành			☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
25	POL30013	Triết học	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
26	POL30026	Chính sách công	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
28	POL30021	Hành chính học	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
29	LAW30005	Luật hành chính	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
30		Tự chọn 2	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
31	POL30032	Khoa học quản lý	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
32	LAW20003	Luật kinh tế	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
33	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
34	SMT30012	Quản lý nhà nước về tài chính	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
35	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
Các học phần tự chọn			☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
	Tự chọn 1		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
1	SMT30002	Tổ chức chính quyền cơ sở	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

3	HIS20005	Kỹ năng làm việc nhóm		□						□	□			
	Tự chọn 2													
1	SMT3000 7	Nghịệp vụ văn thư lưu trữ	□	□		□				□				
2	SMT3000 8	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức	□							□				
3	SMT3000 9	Kỹ năng tổ chức công sở	□							□				

3.4. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau:

(1) Loại học phần: × – bắt buộc, □ – tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Loại HP	Số TC	Số tiết			Mô đun	Phân kỳ
					LT	TH	TL/ BT		
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X	3	30		15	GDĐC	1
2	POL20001	Lógica hình thức	X	3	30		15	GDĐC	1
3	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X	4	40		20	GDĐC	1
4	HIS20001	Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn	X	3	30			GDĐC	1
5	ENG10001	Tiếng Anh 1	X	3	30		15	GDĐC	2
6	LAW20002	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	X	3	30		15	GDĐC	2
7	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin	X	5	50		25	GDCN	2
8	EDU20004	Tâm lý học đại cương	X	3	30		15	GDĐC	2
9	INF20002	Tin học	X	3	30		15	GDĐC	2
10	SOW20001	Xã hội học đại cương	X	3	30		15	GDĐC	1-3
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	X	(3)	45				3
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác QPAN)	X	(2)	30				1-3

	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng...)	X	(3)	15	30			1-3
	SP010001	Giáo dục thể chất	X	(5)	15	60			1-3
11	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	X	3	30		15	GDĐC	3
12	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	X	3	30		15	GDĐC	3
13	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	X	3	30		15	GDĐC	3
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	X	4	45		15	GDĐC	3
15	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	2	20		10	GDĐC	4
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước	X	3	30		15	GDCN	4
17	SMT30001	Kinh tế học đại cương	X	4	40			GDĐC	4
18	LAW30006	Luật hiến pháp	X	4	40		20	GDĐC	4
19	SMT20002	Tác phẩm Mác – Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	X	5	50		25	GDĐC	4
20		Tự chọn 1	✓	2	20		10	GDCN	5
21	SMT30004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	X	4	40		20	GDCN	5
22	LAW30014	Pháp luật Việt Nam	X	5	50			GDCN	5
23	SMT30005	Phương pháp NCKH ngành Quản lý nhà nước	X	3	20		10	GDĐC	5
24	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	X	4	30			GDCN	5
25	POL30013	Triết học	X	4	40		20	GDCN	6
26	POL30026	Chính sách công	X	3	30		15	GDCN	6
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội	X	4	40		20	GDCN	6
28	POL30021	Hành chính học	X	4	30			GDĐC	6
29	LAW30005	Luật hành chính	X	5	50			GDCN	6
30		Tự chọn 2	✓	2	20		10	GDCN	6
31	POL30032	Khoa học quản lý	X	3	30		15	GDCN	7
32	LAW20003	Luật kinh tế	X	3	30		15	GDCN	7
33	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế	X	4	35		10	GDCN	7
34	SMT30012	Quản lý nhà nước về tài chính	X	3	40		20	GDCN	7
35	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	X	3	30		15	GDCN	7

36	SMT30013	Thực tập cuối khóa	X	5		75			GDCN	8
				125						

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần

1	SMT30002	Tổ chức chính quyền cơ sở	✓	2	30		15		GDĐC	2
2	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính	✓	2	30		15		GDĐC	2
3	HIS20005	Kỹ năng làm việc nhóm	✓	2	30		15		GDĐC	2

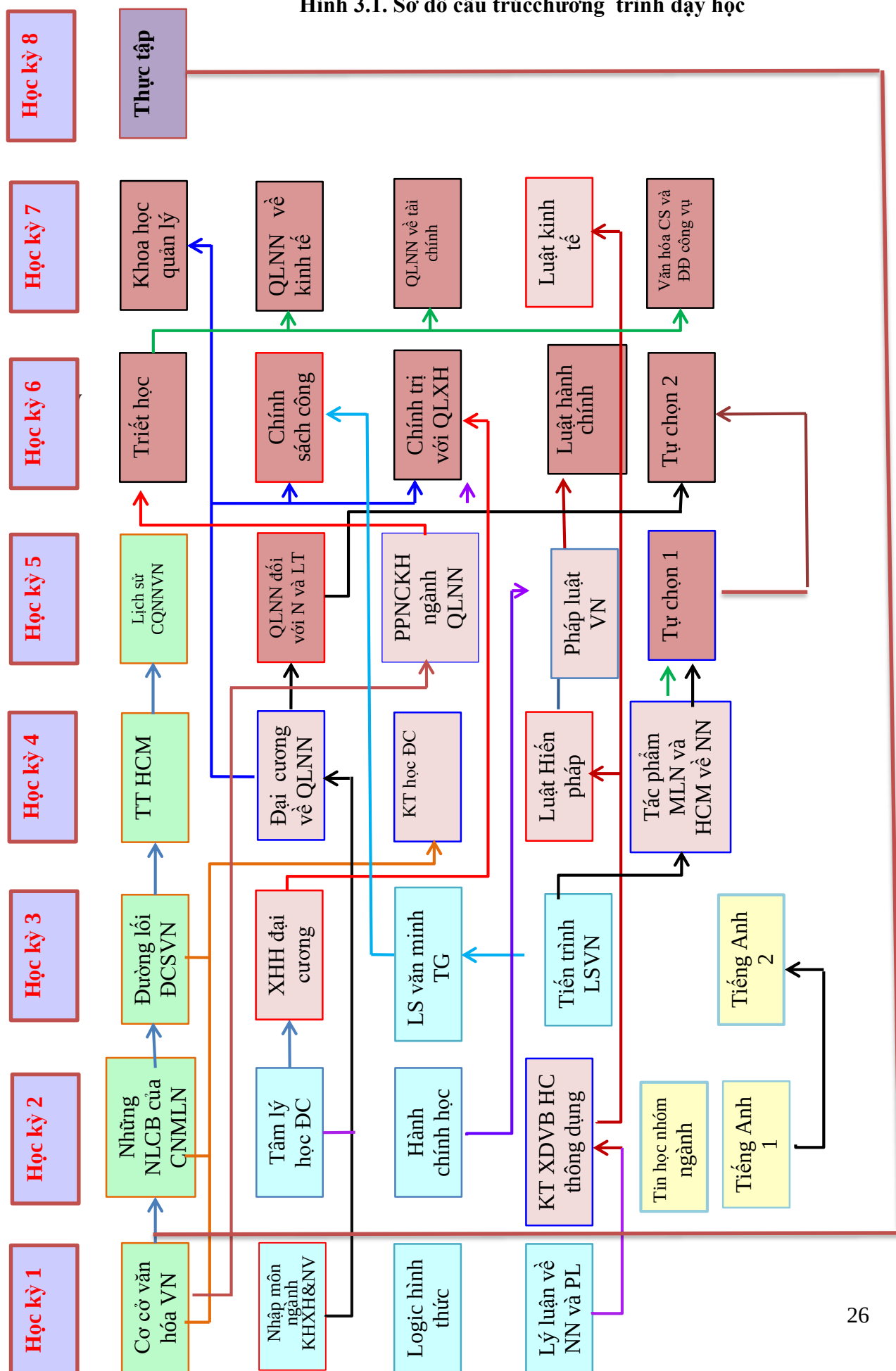
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần

1	SMT30007	Nghệp vụ văn thư lưu trữ	✓	2	30		15		GDĐC	3
2	SMT30008	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức	✓	2	30		15		GDĐC	3
3	SMT30009	Kỹ năng tổ chức công sở	✓	2	30		15		GDĐC	3

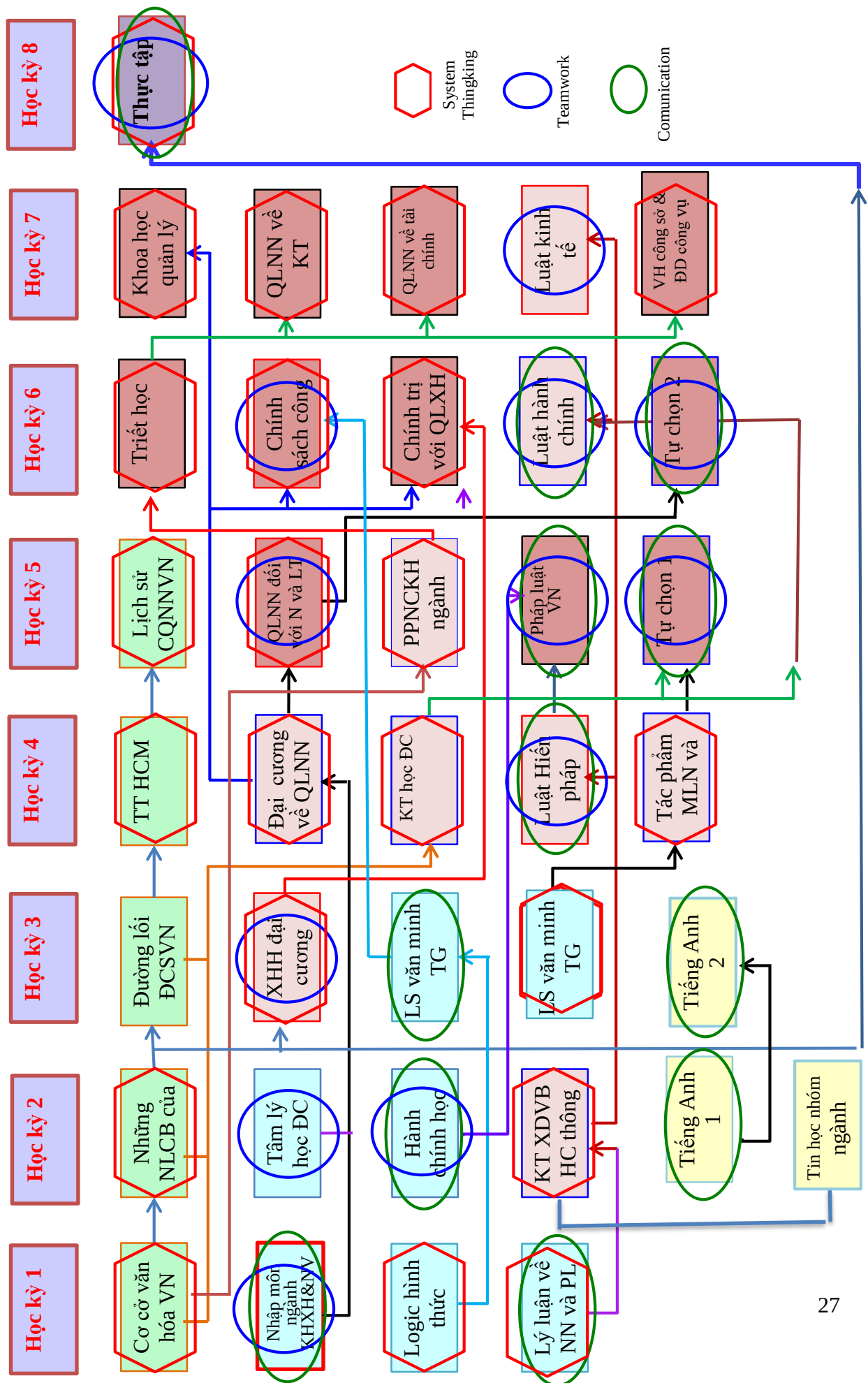
3.5.

Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học



Hình 3.6. Ma trận kỹ năng



PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

LIT20006: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần *Cơ sở văn hóa Việt Nam* thuộc khối kiến thức đại cương, dạy cho sinh viên khối ngành Sư phạm xã hội và Khoa học xã hội & nhân văn, Luật và Giáo dục Quốc phòng. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam, giúp sinh viên hiểu được quy luật hình thành và phát triển của văn hóa, qua đó, biết cách lí giải và đánh giá các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể.

Mục tiêu học phần

Học học phần này, sinh viên sẽ hiểu được những tri thức cơ bản, cần thiết về văn hóa Việt Nam (khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, cấu trúc, quy luật hình thành, phát triển) và vận dụng được tri thức đó vào phân tích, đánh giá, lí giải các hiện tượng văn hóa cụ thể (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, không gian văn hóa, thời gian văn hóa...). Học phần còn hình thành ở người học tư duy phản biện, tư duy hệ thống về các vấn đề văn hóa; nhận biết được những tác động, ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa – xã hội đối với thực tiễn nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

Hiểu được những kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam (khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, cấu trúc, quy luật hình thành, phát triển; các thành tố văn hóa, các giai đoạn văn hóa, các vùng văn hóa, vấn đề biến đổi văn hóa)

Phân tích, đánh giá, lí giải các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, không gian văn hóa, thời gian văn hóa...)

Phân tích, đánh giá các hiện tượng văn hóa Việt Nam theo tính hệ thống; có ý thức phản biện các vấn đề, hiện tượng văn hóa Việt Nam.

Biết trân trọng các giá trị văn hóa dân tộc

Thảo luận nhóm về một số chủ đề của học phần

Nhận biết (ban đầu) về ảnh hưởng, tác động của bối cảnh văn hóa đến thực tiễn nghề nghiệp

POL20001: Logic hình thức

Mô tả môn học

Lôgic hình thức là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần này nghiên cứu các hình thức cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và 4 qui luật cơ bản của tư duy. Việc nghiên cứu, học tập Logic hình thức là cần thiết bởi đây là một trong những môn khoa học có vai trò to lớn trong việc giúp con người có khả năng tư duy logic một cách tự giác. Nghiên cứu Logic hình thức giúp nâng cao khả năng phán đoán, suy luận, phát hiện ra những sai lầm, nguy hiểm trong tư duy của bản thân và người khác. Nghiên cứu Logic hình thức cũng góp phần trang bị những công cụ nhận thức hết sức quan trọng

để con người có thể đi sâu nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể. Việc có được trình độ cao về logic hình thức, hiểu biết sâu sắc về các quy luật, qui tắc lôgic sẽ giúp chúng ta trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục hơn.

Mục tiêu môn học

Mục tiêu tổng quát của học phần gồm:

Về kiến thức: Sinh viên hiểu và giải thích được các nội dung kiến thức cơ bản của môn học như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, các quy luật của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ.

Về kỹ năng: Môn học góp phần quan trọng trong việc rèn luyện khả năng, kỹ năng tư duy logic mà cụ thể là các thao tác tư duy với khái niệm, kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh. Môn học còn giúp sinh viên áp dụng các kỹ năng này vào việc nghiên cứu, học tập các môn khoa học khác cũng như vận dụng trong thực tiễn nhận thức, trình bày, tranh luận, hùng biện... trong cuộc sống thường ngày. Từ đó nâng cao khả năng nhận thức và tư duy cho người học.

Về thái độ: Việc hiểu rõ bản chất của tư duy và tư duy logic sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập các môn khác cũng như làm tăng lòng say mê nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo ở người học.

Chuẩn đầu ra học phần:

-Hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức. Hiểu được những vấn đề chung về khái niệm.

-Hiểu được những vấn đề chung về phán đoán; Trình bày được nội dung quy luật đồng nhất; quy luật cấm mâu thuẫn; quy luật loại trừ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ.

-Hiểu được những vấn đề chung về suy luận, Trình bày được những vấn đề chung về chứng minh. -Vận dụng, thực hành tốt các thao tác tư duy với khái niệm.

-Có kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh mạch lạc, logic, vận dụng được các kỹ năng này vào thực tiễn.

- Nhận thức đúng đắn về vai trò của tư duy logic, vận dụng được các kiến thức và kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành.

LAW20001: Lý luận về nhà nước và pháp luật

Mô tả học phần

Lý luận về Nhà nước và pháp luật là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của toàn bộ khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 1 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một hệ thống tri thức khoa học lý luận về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng phương pháp luận cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề chính trị, pháp lý, xã hội ở các nội dung tiếp theo trong chương trình đào tạo tại Trường đại học cũng như quá trình nghiên cứu, làm việc sau này của sinh viên.

Mục tiêu học phần

- Về kiến thức: học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật từ đó xây dựng cho sinh viên cách tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa

học về những vấn đề nhà nước và pháp luật; giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước và pháp luật trong thực tế.

- Về kỹ năng: học phần Lý luận về nhà nước và pháp luật nhằm làm hình thành ở sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Bên cạnh đó, thông qua học phần, người học hình thành kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của lý luận nhà nước pháp luật.

- Về thái độ: học phần nhằm xây dựng cho người học ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lý trong đời sống xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần:

Hiểu tính độc lập tương đối của pháp luật và sự tác động qua lại giữa pháp luật và các yếu tố/hiện tượng khác trong xã hội (kinh tế, chính trị, đạo đức...)

Hiểu ý nghĩa, sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội bằng pháp luật

Hiểu được sự tác động của bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tới pháp luật và sự tác động trở lại của pháp luật đối với xã hội

Xác định điều kiện cần và đủ để từ một quan hệ xã hội trở thành một quan hệ pháp luật
Xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý đi liền

Hiểu tính độc lập tương đối và mối quan hệ qua lại giữa các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam

Hiểu được vai trò của ý thức pháp luật đối với thực hiện pháp luật, vai trò của pháp luật đối với việc củng cố và nâng cao ý thức pháp luật

Hiểu nguyên tắc thống nhất, đồng bộ trong xây dựng hệ thống pháp luật

HIS20001: Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn

Mô tả học phần:

Học phần Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn (KHXX&NV) là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho người học hiểu biết cơ bản về bối cảnh các ngành KHXX&NV trên các phương diện: khái niệm, chức năng nhiệm vụ; quá trình hình thành và phát triển; nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và phương pháp tiếp cận trong học tập và nghiên cứu các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức và kỹ năng nhập môn ban đầu cho một số ngành KHXX&NV như: Báo chí, Chính trị học, Luật học, Công tác xã hội, Việt nam học(chuyên ngành Du lịch), Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục. Qua đó, cung cấp cho người học hiểu biết về các kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của ngành học sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Nhận biết cơ bản về khái niệm, chức năng nhiệm vụ của ngành Quản lý nhà nước

Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của ngành Quản lý nhà nước Mô tả được cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực Quản lý nhà nước

Nhận diện được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Quản lý nhà nước

Phân biệt và ứng dụng được các phương pháp tiếp cận trong lĩnh vực Quản lý nhà nước

Xác định được về năng lực, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

Nắm được khung năng lực ngành quản lý nhà nước

Phân biệt được các phương pháp chung và phương pháp đặc thù của quản lý nhà nước

Nhận diện được các phương pháp tiếp cận trong quản lý nhà nước

Nhận diện được kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong quản lý nhà nước

Nhận diện và áp dụng được các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước Nhận diện và ứng dụng được nguyên tắc trong quản lý nhà nước

Nắm được về kỹ năng mềm ngành quản lý nhà nước

Nắm được về kỹ năng rèn nghề ngành quản lý nhà nước

Nắm được cơ hội nghề nghiệp ngành quản lý nhà nước

Mô tả được về hệ thống chính trị Việt Nam Nhận thức được vai trò của quản lý nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Nhận thức được vai trò của quản lý nhà nước đối với sự phát

Nhận diện và sử dụng được các khái niệm quản lý và quản lý nhà nước

Xác định được chức năng, nhiệm vụ của quản lý nhà nước

ENG10001: Tiếng Anh 1

Mô tả học phần:

Học phần ***Tiếng Anh 1*** thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (15 tiết). Các kiến thức ngôn ngữ ở mức độ cơ bản sẽ được cung cấp ở phần lý thuyết và phần thực hành sẽ tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp cơ bản, quen thuộc hàng ngày thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành cũng được thiết kế giúp cho sinh viên phát triển được các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp một cách hiệu quả.

Mục tiêu học phần:

Học phần ***Tiếng Anh 1*** được dạy – học theo định hướng giao tiếp. Kết thúc học phần này, người học có thể được (1) trang bị các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả trong các tình huống quen thuộc hàng ngày; (2) phát triển kỹ năng làm việc nhóm; (3) hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Chuẩn đầu ra:

Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày.

Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả.

Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản.

6. LAW20002: Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng

Mô tả học phần:

- Học phần Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước.

- Học phần cung cấp kiến thức về văn bản pháp luật và hệ thống văn bản thông dụng theo quy định hiện hành, giúp sinh viên nhận diện được văn bản hành chính và khả năng phân biệt văn bản hành chính với các văn bản khác, phân biệt các loại văn bản hành chính với nhau; đồng thời trang bị kiến thức về tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng văn bản hành chính, quy trình xây dựng văn bản hành chính.

- Học phần hướng dẫn sinh viên kỹ năng soạn thảo các loại văn bản pháp luật; thực hiện việc giao tiếp bằng văn bản và cách thức tổ chức, triển khai xây dựng và kiểm tra, rà soát, đánh giá văn bản pháp luật nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước.

Mục tiêu học phần:

Áp dụng kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, hành chính học, khoa học quản lý nhà nước vào hoạt động quản lý nhà nước.

Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong hoạt động hành chính.

Tổ chức thực hiện hoạt động pháp lý trong lĩnh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

Chuẩn đầu ra học phần:

Nhận diện và phân biệt văn bản pháp luật với văn bản hành chính

Phân tích các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, thể thức của văn bản hành chính.

Thực hành kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính để giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước.

Thực hành soạn thảo các văn bản hành chính để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực hành chính, hiến pháp

7. POL10001 Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin

Mô tả học phần:

Môn học thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm các nội dung về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Môn học nhằm trang bị cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học, giúp người học nắm được các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất TBCN và chính trị xã hội; bồi dưỡng năng lực vận dụng lý luận Mác – Lênin vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

Mục tiêu môn học:

Nắm được những kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận.

Nắm được những kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất TBCN.

Nắm được những kiến thức cơ bản về chính trị xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần:

Hiểu được sự vận dụng lý luận trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.
Xác lập thái độ, niềm tin, bản lĩnh chính trị;

Vận dụng lý luận trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nắm được các nguyên tắc, phương pháp tư duy

8. EDU20004: Tâm lý học đại cương

Mô tả học phần:

Học phần Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản, dùng cho các nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho người học những kiến thức về khoa học tâm lý người: sự hình thành và phát triển của tâm lý, các hiện tượng, quy luật và cơ chế vận hành của các quy luật tâm lý người, cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý; giúp người học nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý, giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống và vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp; Có khả năng tự đánh giá và tự tu dưỡng bản thân đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống và nghề nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Học phần Tâm lý học đại cương khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng hiện đại về tâm lý người và những hiện tượng tâm lý cơ bản trong cuộc sống. Người học nhận diện được các vấn đề trong cuộc sống và hoạt động dưới góc độ tâm lý học, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp; Tự đánh giá và tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân đáp ứng yêu cầu của cuộc sống và nghề nghiệp. Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập. Phân tích, đánh giá được về mặt tâm lý các tình huống nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.

Chuẩn đầu ra học phần:

Phân tích được bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Làm rõ được vai trò hoạt động, giao tiếp và sự phát triển tâm lý

Hiểu được bản chất các giai đoạn phát triển tâm lý người;

Phân tích ý thức là hiện tượng tâm lý cao cấp nhất ở con người;

Trình bày được khái niệm chú ý. Phân tích được các thuộc tính tâm lý cơ bản của chú ý.

Phát biểu được khái niệm cảm giác và tri giác, và so sánh những điểm giống và khác nhau giữa cảm giác và tri giác;

Phân tích được các quy luật của cảm giác và tri giác.

Trình bày được khái niệm và phân tích đặc điểm của tư duy, tưởng tượng;

Phân biệt nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính; Phân biệt tư duy và tưởng tượng. Phát biểu được khái niệm trí nhớ và phân tích được các giai đoạn cơ bản của trí nhớ;

Trình bày được các khái niệm ngôn ngữ, và vai trò của ngôn ngữ đối với các quá trình nhận thức.

Nắm được những quan niệm khác nhau về khái niệm nhân cách, đặc trưng của nhân cách,

Trình bày được các phẩm chất, các thuộc tính nhân cách và sự hình thành nhân cách

Vận dụng được kiến thức đã lĩnh hội vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống và nghề nghiệp

Vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý con người

Có khả năng tự điều khiển, điều chỉnh tâm lý đáp ứng yêu cầu của cuộc sống và nghề nghiệp.

9. INF20002: Tin học

Mô tả học phần:

Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy cho sinh viên các ngành Khoa học Xã hội nhân văn, Sư phạm Anh, Ngôn ngữ Anh, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất. Học phần nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng căn bản về lĩnh vực công nghệ thông tin hỗ trợ trong các ngành, bao gồm các nội dung: Khai thác về hệ điều hành và Internet phục vụ ngành học; Xử lý văn bản và một số chức năng xử lý cao cấp của MS-Word; Sử dụng một số hàm đơn giản của MS-Excel để tính toán trên các bảng dữ liệu; Thực hành kỹ thuật biên tập video và tạo bài giảng hay bài thuyết trình; Kết hợp trình chiếu MS-PowerPoint và sử dụng phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning. Học phần hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu các học phần tiếp theo.

Mục tiêu học phần:

Hiểu các khái niệm cơ bản về CNTT. Biết được các khái niệm căn bản về Internet để phục vụ học tập và nghiên cứu.

Áp dụng được các tính năng căn bản trên các ứng dụng cơ bản của MS-Office 2010.

Áp dụng được các tính năng căn bản trên các ứng dụng cơ bản của MS-Office 2010. Áp dụng trình chiếu Movie Maker và phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning.

Biết được tổ chức bài báo cáo về lĩnh vực học tập và nghiên cứu. Có khả năng thực hiện hoạt động nhóm.

Chuẩn đầu ra:

Hiểu được một số ứng dụng CNTT trong giáo dục.

Hiểu được CNTT hỗ trợ trong giảng dạy và học tập

Hiểu được các thành phần cơ bản của máy tính. Biết được các khái niệm căn bản về Internet.

Biết thực hiện thao tác test online các bài đánh giá thường xuyên.

Biết cách tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ học tập và nghiên cứu.

Hiểu được các tính năng căn bản của một hệ soạn thảo và xử lý văn bản.

Áp dụng được các chức năng trên bảng tính bằng công cụ MS-Excel 2010.

Áp dụng được các tính năng căn bản của một công cụ hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình.

Áp dụng được các tính năng hỗ trợ trình chiếu, thuyết trình của công cụ MS-PowerPoint 2010.

Hiểu được các khái niệm tệp âm thanh, video, cách định dạng tệp âm thanh, video.

Áp dụng vào thiết kế, chỉnh sửa video bằng công cụ Movie Maker.

Hiểu được cách cài đặt và sử dụng phần mềm Adobe Presenter.

Áp dụng tạo bài giảng Elearning bằng Adobe Presenter.

Biết viết bài báo cáo trên các phần mềm soạn thảo.

Có khả năng thực hiện hoạt động nhóm.

Nhận thức được thái độ học tập tự giác, nghiêm túc để rèn luyện kỹ năng Tin học thông qua các bài thực hành.

10. SOW20001: Xã hội học đại cương

Mô tả môn học:

Học phần Xã hội học đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn, cung cấp cho sinh viên những nội dung nền tảng về đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, các lý thuyết xã hội học hiện đại, phương pháp nghiên cứu xã hội học thực nghiệm và hệ thống khái niệm chuyên ngành. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, phân tích các hiện tượng xã hội trong đời sống ở nhiều chiều cạnh khác nhau. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng cần thiết như thuyết trình, giao tiếp, tư duy độc lập và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Mục tiêu môn học:

Hiểu được các nội dung về chức năng, các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và các khái niệm cơ bản của Xã hội học như cấu trúc xã hội, thiết chế xã hội, phân tầng, bất bình đẳng xã hội, văn hóa, xã hội hóa, biến đổi xã hội.

Trình bày và phân tích được các hiện tượng, vấn đề xã hội trong đời sống thực tiễn dưới góc độ xã hội học.

Rèn luyện kỹ năng tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Trình bày và phân tích được các hiện tượng, vấn đề xã hội trong đời sống thực tiễn dưới góc độ xã hội học.

Rèn luyện kỹ năng tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong quá trình học tập.

Vận dụng tri thức mới của Xã hội học để nhận diện và phân tích sự tác động của bối cảnh xã hội đến các hành vi của con người, nhóm và cộng đồng trong đời sống thực tiễn

Chuẩn đầu ra học phần:

Áp dụng kiến thức về toàn cầu hóa để phân tích những thuận lợi và thách thức trong bối cảnh nước ta hiện nay

Áp dụng những kiến thức về phân tầng xã hội vào việc nhận diện và phân tích các hiện tượng phân tầng xã hội trong đời sống thực tiễn Sử dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu Xã hội học để thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

Nắm vững nội dung cơ bản về lịch sử hình thành, phương pháp nghiên cứu và các lý thuyết, khái niệm cốt lõi của Xã hội học.

11. POL10003: Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

Mô tả học phần:

Môn học thuộc khối kiến cơ bản nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống những quan điểm chủ trương chính sách của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số

lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Mục tiêu môn học:

Hiểu được bối cảnh lịch sử và cơ sở hình thành đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam

Hiểu được đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực

Phân tích, đánh giá đường lối của cách mạng của Đảng trong từng giai đoạn, thời kỳ cụ thể.

Vận dụng đường lối để giải quyết những vấn đề thực tiễn hiện nay

Xác lập niềm tin, bản lĩnh chính trị.

Hình thành năng lực tư duy nhận thức về chính trị xã hội

Chuẩn đầu ra học phần:

. Vận dụng đường lối để giải quyết những vấn đề thực tiễn

. Phân tích và đánh giá được đường lối của Đảng trên các lĩnh vực.

. Hiểu được cơ sở xác lập đường lối cách mạng của Đảng

12. HIS20003 Lịch sử văn minh thế giới

Mô tả học phần:

Làm rõ các khái niệm văn minh và các khái niệm liên quan.

Quá trình hình thành và phát triển của các nền văn minh trên thế giới.

Quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền, văn minh.

Mục tiêu môn học:

Nắm được các khái niệm văn minh và các khái niệm liên quan

Hiểu được Quá trình hình thành và phát triển của các nền văn minh trên thế giới.

Phân tích được quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

Nắm được các khái niệm văn minh và các khái niệm liên quan

Phân tích được quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn minh.

Hiểu được Quá trình hình thành và phát triển của các nền văn minh trên thế giới.

13. HIS20004 Tiến trình lịch sử Việt Nam

Mô tả học phần:

Hiểu được quá trình hình thành và phát triển của quốc gia Việt Nam.

Trang bị cho người học kỹ năng nhận thức và hiểu một vấn đề lịch sử cụ thể.

Giáo dục cho người học lòng yêu nước và tự hào với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Mục tiêu môn học:

Hiểu được quá trình hình thành và phát triển của quốc gia Việt Nam.

Trang bị cho người học kỹ năng nhận thức và hiểu một vấn đề lịch sử cụ thể.

Giáo dục cho người học lòng yêu nước và tự hào với những truyền thống tốt đẹp của

dân tộc

Chuẩn đầu ra học phần:

Giáo dục người học ý thức sống có trách nhiệm với đất nước, với cuộc sống hiện tại

Giáo dục người học lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc

Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề lịch sử.

Giúp người học hiểu được việc phân ý lịch sử qua từng thời kỳ, giai đoạn

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.

14. ENG10002 Tiếng Anh 2

Mô tả học phần:

Học phần Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (30 tiết). Các kiến thức ngôn ngữ ở học phần này tiếp nối học phần tiếng Anh 1 và ở mức độ cao hơn. Trong học phần này, người học được phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc, đồng thời phát triển được các kỹ năng làm việc nhóm một cách hiệu quả.

Mục tiêu môn học:

Học phần Tiếng Anh 2 được dạy – học theo định hướng giao tiếp. Kết thúc học phần này, người học có thể được (1) trang bị các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và thực hành phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả trong các tình huống hàng ngày; (2) phát triển kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực; (3) Xây dựng và thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ hiệu quả hơn.

Chuẩn đầu ra học phần:

Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày.

Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả.

Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản.

15. POL10002 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu môn học:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo

đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
- Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.
- Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra:

Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh Giải thích được định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.

Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

Rèn luyện được kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.

16. SMT20001 Đại cương về quản lý nhà nước

Mô tả học phần:

Đại cương về quản lý nhà nước là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ quan điểm, nguyên tắc và quy trình hoạt động quản lý nhà nước. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất một số giải pháp góp ý cho công tác quản lý hành chính nhà trường hay quản lý nhà nước tại địa phương.

Mục tiêu môn học:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước.
- Nắm được những lý luận chung về quản lý nhà nước và quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam, nội dung chủ yếu của cuộc vận động cải cách hành chính hiện nay.
- Vận dụng vào việc nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày một số vấn đề cơ bản trong hoạt động quản lý nhà nước ở Việt nam hiện nay Vận dụng các kiến thức về quản lý nhà nước để nêu giải pháp cải cách quản lý nền hành chính nhà nước.
- Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước
- Thể hiện đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước Xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước Phân tích mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Giải thích hình thức cấu trúc tổ chức nhà nước CHXHCN Việt Nam
- Làm rõ quy trình xây dựng và ban hành một số mẫu văn bản quản lý nhà nước Phân tích các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam.
- Đánh giá hiệu quả của các công cụ quản lý nhà nước ở Việt Nam.

17. SMT30001 Kinh tế học đại cương

Mô tả học phần:

Kinh tế học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này nghiên cứu sự lựa chọn của các cá nhân, doanh nghiệp, Chính phủ và toàn xã hội khi phải đối mặt với sự khan hiếm về các nguồn lực. Học phần được thực hiện dưới hình thức giảng dạy dự án, cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô. Qua đó, học phần góp phần bồi dưỡng một số kỹ năng mềm cho người học.

Mục tiêu môn học:

Từ những kiến thức về kinh tế học đại cương, người học có thể hiểu và giải thích được các biểu hiện của nền kinh tế thị trường, như; cơ sở ra quyết định của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, nhà nước); thước đo của tăng trưởng; sự hoạt động của quy luật cạnh tranh, cung cầu v.v... Bên cạnh đó, môn học góp phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thuyết trình thông qua việc thực hiện dự án học phần. Từ đó, giúp người học có thể nhận ra cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch lập thân lập nghiệp cho bản thân.

Chuẩn đầu ra học phần:

Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

Thể hiện khả năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ học tập.

Thể hiện kỹ năng tổ chức nhóm để thực hiện dự án

Thể hiện kỹ năng lập kế hoạch thực hiện dự án Thể hiện kỹ năng triển khai kế hoạch để thực hiện dự án

Thể hiện kỹ năng giao tiếp (thuyết trình, văn bản, tranh luận) khi báo cáo các sản phẩm dự án

Xây dựng mục tiêu, phương hướng sản xuất kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường

18. LAW30006 Luật hiến pháp

Mô tả học phần:

Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức của Luật Hiến pháp trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của nhà nước, đồng thời, phân tích tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp cũng như các vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những nội dung cơ bản của luật Hiến pháp
- Vận dụng kiến thức của Luật Hiến pháp trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của nhà nước
- Phân tích các vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp
- Phân tích tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp
- Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện
- Có khả năng hoạt động nhóm, giao tiếp đa phương tiện

19. SMT20002 Tác phẩm Mác – Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước

Mô tả học phần:

Học phần Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các quan điểm cơ bản về nhà nước, quản lý nhà nước của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh trong một số tác phẩm tiêu biểu. Thông qua đó bồi dưỡng năng lực vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, góp phần hình thành phẩm chất chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu môn học:

Giúp sinh viên hiểu được nguồn gốc ra đời và bản chất của nhà nước, vai trò của quản lý nhà nước đối với kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đồng thời, trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chuẩn đầu ra học phần:

Trình bày các quan điểm C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về nguồn gốc ra đời và bản chất của nhà nước, quản lý nhà nước

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội,

Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước

Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Phân tích mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước và các vấn đề liên quan

đến quản lý nhà nước nảy sinh trong thực tiễn.

20. Tự chọn 1

SMT30002 Tổ chức chính quyền cơ sở

Mô tả học phần:

Tổ chức chính quyền cơ sở là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý Nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về tổ chức chính quyền ở cơ sở trong hệ thống chính quyền 4 cấp ở nước ta hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ chức năng nhiệm vụ của chính quyền cơ sở trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực thuộc chính quyền cơ sở.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chính quyền cơ sở, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng chính quyền cơ sở, từ đó vận dụng vào hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* kiến thức cơ bản về chính quyền cơ sở.
- *Vận dụng* quan điểm, nguyên tắc của chủ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước về chính quyền cơ sở để giải quyết vấn đề về quản lý ngành và lãnh thổ địa phương cùng vận dụng lý luận vào thực tiễn.
- *Phân tích* tác động của xã hội đối với quản lý nhà nước đối với chính quyền cơ sở để điều chỉnh hoạt động có hiệu quả.
- *Xác định* vai trò, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở cũng như nội dung, phương thức quản lý của bộ máy chính quyền cơ sở.

SMT30003 Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính

Mô tả học phần:

Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về tổ chức nhân sự trong cơ quan nhà nước. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ nhiệm vụ tổ chức nhân sự và các nội dung quan trọng của việc tổ chức nhân sự trong các cơ quan hành chính nhà nước như: kế hoạch nguồn nhân sự, tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá thực thi công vụ và các quy định của pháp luật về nhân sự. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một số vấn đề về vực nhân sự trong cơ quan hành chính.

Mục tiêu môn học:

- *Trình bày* kiến thức cơ bản về nhân sự trong cơ quan hành chính nhà nước.
- *Vận dụng* đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật Nhà nước về nhân sự trong cơ quan hành chính để quản lý nguồn lực và thời gian hiệu quả.
- *Thực hiện* và điều chỉnh được hoạt động của nhân sự trong cơ quan hành chính có hiệu quả.
- *Xác định* được mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

Trình bày được kiến thức cơ bản về về nhân sự trong cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Đánh giá được những vấn đề thực tiễn về nhân sự trong cơ quan hành chính để quản lý nguồn lực và thời gian hiệu quả. Thể hiện khả năng điều chỉnh nhân sự cơ quan hành chính nhà nước có hiệu quả. Áp dụng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhân sự hành chính nhà nước vào thực tiễn.

- Trình bày kiến thức cơ bản về nhân sự trong cơ quan hành chính nhà nước.
- Vận dụng đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật Nhà nước về nhân sự trong cơ quan hành chính để quản lý nguồn lực và thời gian hiệu quả.
- Thực hiện và điều chỉnh được hoạt động của nhân sự trong cơ quan hành chính có hiệu quả.
- Xác định được mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước.

HIS20005 Kỹ năng làm việc nhóm

Mô tả học phần:

Học phần Kỹ năng làm việc nhóm cung cấp những kiến thức cơ bản về làm việc nhóm: Khái niệm; vai trò; các giai đoạn; quy tắc trong làm việc nhóm. Rèn luyện các kỹ năng thành lập nhóm, tổ chức hoạt động nhóm, thực hiện làm việc trong các nhóm đa ngành, thể hiện khả năng lãnh đạo nhóm, triển khai phát triển nhóm vận dụng cho các ngành Quản lý giáo dục, Quản lý văn hóa, Báo chí, Chính trị học.

Môn học Kỹ năng hoạt động nhóm là môn học tự chọn cho cả 4 ngành Quản lý giáo dục, Báo chí, Chính trị học, Quản lý văn hóa. Đặc trưng của môn học này là bổ trợ những kỹ năng cần thiết của sinh viên trên cơ sở quyền lựa chọn của sinh viên. Do vậy, về mặt nguyên tắc, nó đáp ứng các chuẩn đầu ra về kỹ năng tự chọn, có tính bổ trợ thêm cho các chuẩn đầu ra ở 3 khối kiến thức còn lại. Nếu sinh viên không chọn môn học này vẫn đáp ứng được các yêu cầu của ngành học.

Cả 4 ngành học đều xác định chuẩn đầu ra của môn học tập trung vào trụ cột

Mục tiêu môn học:

Hiểu được kiến thức cơ bản về khái niệm làm việc nhóm, các hình thức nhóm, vai trò của làm việc theo nhóm, các giai đoạn hình thành và phát triển của nhóm, xây dựng chuẩn mực, nguyên tắc và văn hóa nhóm

Chuẩn đầu ra học phần:

Áp dụng được kiến thức để hình thành kỹ năng làm việc trong các nhóm đa ngành. *Thể hiện* khả năng quản trị và phát triển làm việc nhóm trong các hoạt động đa ngành. *Đánh giá* được hoạt động làm việc nhóm của các nhóm đa ngành.

Hiểu được khái niệm làm việc nhóm *Nhận diện* được các hình thức nhóm *Nắm bắt* được các giai đoạn hình thành và phát triển của nhóm

Áp dụng kiến thức và hình thành kỹ năng ra quyết định thành lập nhóm.

Áp dụng kiến thức và hình thành kỹ năng xác định các yếu tố tác động đến làm việc nhóm

21. SMT30004 Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam

Mô tả học phần:

Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam. Đồng thời học phần giúp sinh viên nhận thức rõ vấn đề cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức và sự vận hành của nhà nước trong toàn bộ tiến trình lịch sử. Có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị trong môn học trong xây dựng chính quyền nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu môn học:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.
- Cung cấp những hiểu biết về hệ thống chính quyền của nước ta trong các giai đoạn lịch sử từ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc cho đến nay.
- Hình thành kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về xây dựng chính quyền nhà nước trong các giai đoạn lịch sử.
- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, có thái độ tích cực đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

Trình bày kiến thức liên quan về nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau.

Thể hiện ý thức trách nhiệm trong xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam hiện nay.

Giải thích được đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của chính quyền nhà nước ở nước ta từ nhà nước đầu tiên cho đến nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Đề xuất những giải pháp hoàn thiện chính quyền nhà nước Việt Nam hiện nay.

22. LAW30014 Pháp luật Việt Nam

Mô tả học phần:

Pháp luật Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền XHCN mà Việt Nam đang xây dựng, đồng thời nắm rõ nội dung và phương hướng Pháp luật Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Học phần giúp sinh viên có thể chủ động về nhận thức và hoạt động thực tiễn, nhanh chóng bắt nhịp với thực tế công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền, nhà nước pháp quyền XHCN; vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân vì dân ở Việt Nam. Đồng thời, hình thành

kỹ năng nghiên cứu các nhà nước pháp quyền trong thực tiễn và khả năng hợp tác đa ngành; rèn luyện ý thức trách nhiệm, có thái độ đề cao sự công bằng.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền
- Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền XHCN
- Giải thích tình hình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay
- Đề xuất phương hướng và nội dung Pháp luật Việt Nam hiện nay

23. SMT30006 Phương pháp NCKH ngành Quản lý nhà nước

Mô tả học phần:

Môn học với 5 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của phương pháp luận NCKH, Phương pháp luận NCKH ngành Quản lý nhà nước và các thao tác khi thực hiện NCKH thuộc ngành Quản lý nhà nước.

Giới thiệu để người học nắm được các khái niệm, phạm trù, nguyên lý cơ bản của PPNNCKH ngành Quản lý nhà nước.

Giúp người học có kỹ năng thao tác trong NCKH khi làm bài tập lớn, khoá luận, luận văn và luận án ngành Quản lý nhà nước.

Giúp người học có thái độ đúng đắn, nghiêm túc khi tiếp cận với các vấn đề cần nghiên cứu

Mục tiêu môn học:

Nắm được các khái niệm, phạm trù, nguyên lý cơ bản của PPNNCKH

Nắm được phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Quản lý nhà nước.

Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành Quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

Nắm được các khái niệm, phạm trù, nguyên lý cơ bản của PPNNCKH

Nắm được phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Quản lý nhà nước.

Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành Quản lý nhà nước.

24. SMT30006 Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Do tính chất đặc điểm khác nhau của từng vùng lãnh thổ nên cách thức và phương pháp quản lý những vấn đề ngành có thể khác nhau. Tuy nhiên, quản lý nhà nước các vấn đề trên tất cả các lĩnh vực đòi hỏi vừa đảm bảo tính thống nhất vĩ mô trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia nhưng đồng thời có tính đến yếu tố đặc trưng của từng lãnh thổ. Học phần này nhằm giúp cho sinh viên phân định rõ vấn đề đó để sau khi tốt nghiệp có thể vận dụng vào từng địa phương (lãnh thổ) cụ thể.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ; hình thành kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Đồng thời, giúp người học áp dụng được những kiến thức về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ vào thực tiễn nghề nghiệp tại địa phương cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành
- Trình bày quan niệm, chủ thể quản lý, nội dung quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ
- Giải thích mối quan hệ giữa quản lý nhà nước theo ngành với quản lý nhà nước theo lãnh thổ
- Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và phân bổ nguồn lực
- Có khả năng triển khai hoạt động nhóm
- Lựa chọn mô hình quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể
- Xây dựng nội dung quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể
- Triển khai thực hiện kế hoạch quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể
- Đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể

25. POL30013 Triết học

Mô tả học phần:

Môn học thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm các nội dung về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Môn học nhằm trang bị cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học, giúp người học nắm được các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất TBCN và chính trị xã hội; bồi dưỡng năng lực vận dụng lý luận Mác – Lênin vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

Mục tiêu môn học:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận.
- Nắm được những kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất TBCN.
- Nắm được những kiến thức cơ bản về chính trị xã hội
- Hiểu được sự vận dụng lý luận trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Xác lập thái độ, niềm tin, bản lĩnh chính trị;
- Vận dụng lý luận trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Nắm được các nguyên tắc, phương pháp tư duy

26. POL30026 Chính sách công

Mô tả học phần:

Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 3 chương, sau khi đã hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở khối ngành và cơ sở ngành. Học phần này

nhằm giới thiệu cho sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách công

Mục tiêu học phần:

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách, đồng thời hình thành ở sinh viên kỹ năng, phẩm chất, tác phong của cán bộ, công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày các kiến thức cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách
- Áp dụng nguyên tắc và quan điểm để xây dựng quy trình hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách công ở Việt Nam
- Thể hiện kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực thi chính sách
- Thể hiện tư duy phản biện trong phân tích, đánh giá chu trình chính sách công
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp

27. POL30015 Chính trị với quản lý xã hội

Mô tả học phần:

Chính trị với quản lý xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản lý nhà nước; cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quản lý xã hội theo đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền; về chủ thể quản lý xã hội Việt Nam hiện nay cùng những nội dung, phương thức quản lý; về quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội; trang bị phương pháp luận để nghiên cứu các vấn đề chính trị xã hội và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa chính trị với quản lý xã hội, hoạt động quản lý xã hội của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay, đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, cũng như phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong của cán bộ, công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày quan điểm về quản lý xã hội theo mục tiêu chính trị của giai cấp cầm quyền
- Trình bày các quan điểm về quản lý xã hội trong một số học thuyết chính trị
- Trình bày chủ thể quản lý xã hội và quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội Việt Nam hiện nay
- Vận dụng lý luận để nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước
- Thể hiện kỹ năng cần thiết trong thực thi công vụ: xử lý, giải quyết vấn đề; thực hiện kế hoạch, dự án...
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức.

28. POL30021 Hành chính học

Mô tả học phần:

Học phần có 6 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của hành chính học. Học phần đi sâu nghiên cứu những vấn đề cơ bản về hành chính và nền hành chính của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; những vấn đề lý luận về cải cách hành chính, thực tiễn cải cách nền hành chính ở nước ta và những vấn đề cơ bản về công chức, công vụ, công sở ở Việt Nam; những vấn đề về công tác văn bản hành chính – văn phòng.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về hành chính, cải cách hành chính, công chức, công vụ và công tác văn bản, hành chính – văn phòng, đồng thời, áp dụng các nghiệp vụ hành chính và tham gia giải quyết các vấn đề công tác hành chính, đặc biệt là Hành chính công, trở thành các công chức tốt trong bộ máy hành chính nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những tri thức khoa học về lý luận hành chính, cải cách hành chính, vấn đề công chức, công vụ và về công tác văn bản, hành chính – văn phòng.
- Giải thích giải pháp cho công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Thực hiện công tác hành chính, đặc biệt là Hành chính công.
- Áp dụng được các nghiệp vụ hành chính, trở thành các công chức tốt trong bộ máy hành chính nhà nước.
- Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong cơ quan hành chính
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của công chức, viên chức.

29. LAW30005 Luật hành chính

Mô tả học phần:

- Luật hành chính là học phần thuộc khối kiến thức giảng dạy theo hình thức đồ án trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế
- Sinh viên được tiếp nhận kiến thức và kỹ năng nghề Luật thông qua 15 tiết học lý thuyết và 45 tiết làm đồ án nhằm giải quyết các vụ việc hành chính
- Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng thuyết trình, tranh biện; hướng dẫn sinh viên cách thức rà soát lỗi văn bản hành chính thông dụng, VB pháp luật, hợp đồng, đơn khởi kiện, đơn khiếu nại, tố cáo, trả lời đơn thư khiếu nại...
- Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành kỹ năng CDIO trong giải quyết vụ việc hành chính, cụ thể: một là, hướng dẫn sinh viên cách hình thành các ý tưởng; đánh giá tính khả thi, tính hợp pháp trong ý tưởng về hoạt động pháp lý; hai là, hướng dẫn sinh viên quy trình thực hiện, xây dựng kế hoạch giải quyết vụ việc hành chính. Ba là, hướng dẫn sinh viên xác định được phương pháp và tiêu chí đánh giá phù hợp với nguồn lực và bối cảnh thực tế.

Mục tiêu học phần:

Học phần Luật hành chính chính cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thuyết trình, tranh biện, rà soát văn bản và thực hành kỹ năng tư duy hệ thống, thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình giải quyết vụ việc hành chính. Đồng thời học phần hướng dẫn sinh viên cách

hình thành ý tưởng, cách xây dựng, thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện ý tưởng trong hoạt động giải quyết các vụ việc hành chính

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những kiến thức cơ bản về luật hành chính
- Vận dụng kiến thức về luật hành chính trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước
- Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, cập nhật thông tin, quản lý thời gian và nguồn lực
- Thể hiện thái độ tiếp nhận phản biện và điều chỉnh, xem xét ý kiến phản biện trong nghề nghiệp
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của công chức, viên chức.

30. Tự chọn 2

LAW30008: Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức

Mô tả học phần:

Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức là học phần tự chọn được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 6 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về địa vị pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức và hệ thống công vụ hiện nay ở Việt Nam. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức trong quá trình tham gia tuyển dụng cũng như thực tiễn làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của pháp luật về cán bộ công chức, viên chức cùng kỹ năng đánh giá thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả nền công vụ, và qua đó hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, chuẩn mực của người cán bộ công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những kiến thức cơ bản về đặc trưng, địa vị pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức và nền công vụ
- Xác định địa vị pháp lý, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
- Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, xử lý thông tin, phối hợp trong công việc
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, chuẩn mực của cán bộ công chức, viên chức.

31. POL30032 Khoa học quản lý

Mô tả học phần:

Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 6 chương, thể hiện những nội dung cơ bản của khoa học quản lý, những quy luật, phạm trù, nguyên tắc, phương pháp quản lý cốt lõi phù hợp và đang được vận dụng trong thể chính trị Việt Nam hiện nay. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát về quản lý và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý để có thể vận dụng vào quá trình thực tiễn.

Mục tiêu môn học:

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về: Tổng quan về Khoa học quản lý; Nguyên tắc và phương pháp quản lý và Các chức năng của quy trình quản lý. Việc nắm vững các nguyên lý quản lý, quy luật quản lý, các phạm trù và các khái niệm cơ bản của khoa học quản lý sẽ giúp cho sinh viên có những cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức một cách đúng đắn các học phần trong khối kiến thức cơ sở cũng như trong khối kiến thức chuyên ngành.

Chuẩn đầu ra học phần:

Trình bày được khái niệm quản lý và môi trường quản lý Hiểu được các nguyên tắc và phương pháp quản lý

Hiểu được chức năng và vai trò của thông tin trong quản lý Thể hiện ý thức trách nhiệm và quyết tâm thực hiện sự công bằng Hình thành kỹ năng phát hiện vấn đề; tìm, sắp xếp, đọc tài liệu nghiên cứu Thể hiện khả năng phối hợp với các cá nhân và tổ chức thuộc các ngành liên quan đến vấn đề quản lý Giải thích các nguyên tắc và phương pháp trong quản lý ở Việt Nam Áp dụng nguyên tắc và phương pháp quản lý ở Việt Nam hiện nay

32. LAW20003 Luật kinh tế

Mô tả học phần:

Luật Kinh tế cung cấp kiến thức pháp luật về kinh tế (bao gồm những vấn đề chung về ngành luật kinh tế, địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, các vấn đề về hợp đồng kinh tế và các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế). Học phần giúp người học hình thành kỹ năng đánh giá các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp lý, từ đó góp phần hình thành kỹ năng và thái độ cần thiết cho các cử nhân kinh tế trong tương lai.

Mục tiêu học phần:

Hiểu kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp lý cũng như tư duy phản biện của người học.

Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp lý cũng như tư duy phản biện của người học.

Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

Hiểu đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành Luật kinh tế.

Hiểu địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, đặc biệt là các loại hình doanh nghiệp Hiểu các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế được pháp luật quy định.

Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá việc triển khai mô hình kinh doanh trên thực tế có phù hợp quy định pháp luật hay không.

Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá tính rủi ro pháp lý của hợp đồng kinh tế.

Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá các tranh chấp kinh tế đã xảy ra, trên cơ sở đó lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp.

Áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh tế phù hợp quy định pháp luật.

Áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng làm việc nhóm và tổ chức nhóm hiệu quả.

Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về doanh nghiệp trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay.

33. SMT30011 Quản lý nhà nước về kinh tế

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế, mục tiêu, công cụ, chính sách quản lý và mối quan hệ giữa nhà nước với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó người học nắm được quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam, nâng cao nhận thức và có năng lực phân tích, giải quyết các vấn đề về quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Mục tiêu học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.
- Vận dụng nguyên lý của Chủ nghĩa Mác- Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.
- Hình thành kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- Rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.
- *Vận dụng* quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.
- *Thể hiện* kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- *Thể hiện* phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

34. SMT30012 Quản lý nhà nước về tài chính

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về tài chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản

của quản lý nhà nước về kinh tế, mục tiêu, công cụ, chính sách quản lý và mối quan hệ giữa nhà nước với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó người học nắm được quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam, nâng cao nhận thức và có năng lực phân tích, giải quyết các vấn đề về quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Mục tiêu học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về Quản lý nhà nước về tài chính.
- Vận dụng nguyên lý của Chủ nghĩa Mác- Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề Quản lý nhà nước về tài chính trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.
- Hình thành kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- Rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về Quản lý nhà nước về tài chính.
- Vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề Quản lý nhà nước về tài chính trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.
- Thể hiện kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- Thể hiện phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

35. SMT30010 Văn hóa công sở và đạo đức công vụ

Mô tả học phần:

Văn hóa công sở và đạo đức công vụ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành dùng cho sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ VI theo khung chương trình đào tạo của trường Đại học Vinh. Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm các vấn đề lý luận chung về văn hóa công sở, đạo đức công vụ; nội dung và biện pháp xây dựng văn hóa công sở, đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. Học phần nằm trong tổng thể chương trình đào tạo giúp sinh viên ngành Quản lý nhà nước đạt chuẩn theo yêu cầu tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính Nhà nước hiện hành. Trong phạm vi nghiên cứu học phần, các nội dung đều dựa trên các văn bản, quy chế, quy định về văn hóa công sở, đạo đức công vụ của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa công sở và đạo đức công vụ, về xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay, qua đó giáo dục đạo đức và tác phong nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những giá trị cốt lõi của văn hóa công sở và đạo đức công vụ; các nguyên tắc, chuẩn mực của văn hóa công sở, đạo đức công vụ
- *Thể hiện* ý thức xây dựng văn hóa, đạo đức trong giao tiếp, ứng xử của cá nhân; ý thức xây dựng phẩm chất nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.
- *Vận dụng* kiến thức vào nghiên cứu, phân tích các vấn đề về văn hóa công sở và đạo đức công vụ trong thực tiễn.
- *Thể hiện* năng lực đánh giá các vấn đề; xây dựng môi trường công sở; giao tiếp và ứng xử trong công sở, trong hoạt động thực thi công vụ.

36. SMT30013 Thực tập cuối khóa

Mô tả học phần:

Thực tập và đồ án tốt nghiệp là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý nhà nước. Học phần củng cố và rèn luyện cho sinh viên biết vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp ngành Quản lý nhà nước vào thực hành nghề nghiệp tại môi trường cụ thể trong thực tiễn và tạo ra một sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Mục tiêu môn học:

- Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội vào thực tiễn công việc.
- Thể hiện phẩm chất cá nhân và đạo đức công vụ.
- Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước.
- Thể hiện kỹ năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước

Chuẩn đầu ra học phần:

Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước

Thể hiện đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước

Triển khai hoạt động nhóm

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình;
- Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình;
- Trách nhiệm của Bộ môn/khoa/viện/trường
- Trách nhiệm của giảng viên
- Trách nhiệm của sinh viên

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Lê Thị Nam An, 1980	Giảng viên	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam	- Học phần 2 (Logic hình thức) - Học phần 25 (Triết học)
2	Phạm Thị Bình, 1971	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 7 (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin) - Học phần 25 (Triết học)
3	Nguyễn Lương Bằng	Giảng viên cao cấp.	Tiến sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 25 (Triết học)
4	Bùi Thị Cần, 1981, Tổ trưởng bộ môn PP và TTHCM, Viện Sư phạm	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 25 (Tư tưởng Hồ Chí Minh)
5	Phan Huy Chính, 1969	Giảng viên	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	- Học phần 2 (Logic hình thức) - Học phần 25 (Triết học)
6	Nguyễn Thị Diệp, 1969	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 17 (Kinh tế học đại cương) - Học phần 33(Quản lý nhà nước về kinh tế)
7	Đinh Thế Định, 1958	Giảng viên cao cấp.	Tiến sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 7 (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin) - Học phần 19 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước)
8	Trần Thị Hạnh, 1985	Giảng viên	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	- Học phần 11 (Đường lối của Đảng CS Việt Nam)
9	Lê Thị Thanh Hiếu, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	- Học phần 28 (Hành chính học) - Học phần 25 (Tư tưởng Hồ Chí Minh)
10	Dương Thị Mai Hoa, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	- Học phần 11 (Đường lối của Đảng CS Việt Nam)
11	Phạm Thị Thúy Hồng, 1984	Giảng viên	Thạc sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 16 (Đại cương về quản lý nhà nước) - Học phần 28 (Hành chính học)

				Học phần 7 (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin)
12	Nguyễn Thị Mỹ Hương, 1975	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	Học phần 7 (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin) - Học phần 33 (Quản lý nhà nước về Kinh tế) - Học phần 17 (Kinh tế học đại cương)
13	Vũ Thị Phương Lê, 1975, Tổ trưởng tổ bộ môn Chính trị học	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 7 (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin) - Học phần 24 (Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ) - Học phần 36 (Thực tập và đồ án tốt nghiệp)
14	Hoàng Thị Nga, 1970	Giảng viên	Thạc sĩ, 2005 Việt Nam	- Học phần 15 (Tư tưởng Hồ Chí Minh)
15	Trần Cao Nguyên, 1982	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 21 (Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam) - Học phần 11 (Đường lối của Đảng CS Việt Nam)
16	Trần Viết Quang, 1963, Viện trưởng Viện KHXH&NV	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 19 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước) - Học phần 25 (Triết học) - Học phần 27 (Chính trị với quản lý xã hội)
17	Nguyễn Văn Sang, 1983	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 2 (Lôgic hình thức) - Học phần 21 (Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam)
18	Nguyễn Thái Sơn, 1969, Trưởng khoa GDCT	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2001 Việt Nam	- Học phần 2 (Lôgic hình thức) - Học phần 25 (Triết học) - Học phần 31 (Khoa học quản lý)
19	Trương Thị Phương Thảo, 1982	Giảng viên	Thạc sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 4 (Nhập môn nhóm ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn) - Học phần 35 (Văn hóa công sở và đạo đức công vụ)

20	Đinh Trung Thành, 1970	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 34 (Quản lý nhà nước về tài chính) - Học phần 26 (Chính sách công) - Học phần 17 (Kinh tế học đại cương)
21	Lê Thị Tuyết Hạnh	Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam	Học phần 5 (Tiếng Anh 1) Học phần 14 (Tiếng Anh 2)
22	Nguyễn Thị Thùy Dung	Giảng viên	Thạc sĩ	Học phần 6 (Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng)
23	Nguyễn Văn Trung, 1978, Trưởng khoa DL- CTXH	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 11 (Đường lối của Đảng CS Việt Nam) - Học phần tự chọn 1, 20 (Tổ chức chính quyền cơ sở) - Học phần tự chọn 1, 20 (Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính)
24	Phan Lê Na	Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam	Học phần 9 (Tin học)
25	Phan Văn Tuấn, 1983, Phó Trưởng khoa CT&BC	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 19 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước) - Học phần 31 (Khoa học quản lý)
26	Nguyễn Thị Lê Vinh, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2001 Pháp	- Học phần 24 (Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ) - Học phần 36 (Thực tập và đồ án tốt nghiệp)
27	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2018 Việt Nam	- Học phần 1 (Cơ sở văn hóa Việt Nam)
28	Đinh Ngọc Thắng	Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam	Học phần 3 (Lý luận về nhà nước và pháp luật)
29	Nguyễn Thị Hải Yến, 1982	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2018 Việt Nam	- Học phần 7 (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin) - Học phần 33 (Quản lý nhà nước về kinh tế)
30	Hắc Xuân Cảnh	Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam	- Học phần 13 (Tiến trình lịch sử Việt Nam)

				- Học phần 12 (Lịch sử văn minh thế giới)
31	Phạm Thị Thúy Liễu	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Học phần 32 (Luật Kinh tế)
32	Hà Thị Thúy	Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam	Học phần 32 (Luật Kinh tế)
33	Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam	Học phần 32 (Luật Kinh tế)
34	Nguyễn Văn Đại	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Học phần 3 (Lý luận về nhà nước và pháp luật)
35	Ngô Thị Thu Hoài	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 3 (Lý luận về nhà nước và pháp luật)
36	Đinh Văn Liêm	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Học phần 18 (Luật Hiến pháp)
37	Dương Thị Thanh Thanh	Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam	Học phần 8 (Tâm lý học đại cương)
38	Nguyễn Thị Hà	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	- Học phần 29 (Luật hành chính) - Học phần tự chọn 2,30 (Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức)
39	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	- Học phần 29 (Luật hành chính) - Học phần tự chọn 2,30 (Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức)
40	Nguyễn Văn Dũng	Giảng viên	Tiến sĩ, 2002, Liên bang Nga	Học phần 22 (Pháp luật Việt Nam)
41	Bùi Thị Phương Quỳnh	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 22 (Pháp luật Việt Nam)

PHỤ LỤC 2

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Vinh có hệ thống các nhà với diện tích sàn là 74.108 m², diện tích xây dựng là 27.398 m², diện tích sử dụng là 66.700 m², tổng nguyên giá là 110.960 triệu đồng. Hệ thống nhà cửa được phân bố theo mục đích sử dụng (hoạt động sự nghiệp, phòng học). Trường có trên 300 lớp đại học học tại trường. Nhà trường đã có hệ thống phòng học trên 200 phòng (156 phòng học nhà cao tầng, 46 phòng học cấp 4 đã được nâng cấp) với tổng diện tích 15.723 m² sử dụng. Bình quân 1 ca học bố trí được 13.000 chỗ ngồi với diện tích sử dụng bình quân là 2 m²/1 ca (chưa kể diện tích học tập tại phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá...).

Với sự đầu tư bằng kinh phí Nhà nước và vốn tự có của Nhà trường, các phòng học được trang bị đủ tiêu chuẩn chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống lóa đúng tiêu chuẩn và cùng nhiều trang thiết bị điện tử khác. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy, học và đào tạo theo tín chỉ, đến nay, Trường đã có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bằng bài giảng điện tử trên quy mô lớn (ngoài 44 phòng có hỗ trợ bằng thiết bị nghe nhìn, các khoa còn có 5 - 7 bộ thiết bị di động phục vụ khi có nhu cầu). Hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng; hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện đang được hoàn chỉnh, hiện đại hóa; cơ sở hạ tầng được cải tạo, nâng cấp.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn có phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên, học viên. Nhà trường cũng đã bố trí cho Viện hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban lãnh đạo Viện, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

T T	Mã HP	Tên học phần	1.1			1.2			1.3			2.1			2.2		3.1			3.2		4.1					4.2		4.3		4.4		4.5											
			1.1.1 1	1.1.2 2	1.1.3 3	1.2.1 1	1.2.2 2	1.2.3 3	1.2.4 4	1.3.1 1	1.3.2 2	1.3.3 3	1.3.4 4	2.1.1 1	2.1.2 2	2.1.3 3	2.2.1 1	2.2.2 2	2.2.3 3	3.1.1 1	3.1.2 2	3.1.3 3	3.2.1 1	3.2.2 2	4.1.1 1	4.1.2 2	4.1.3 3	4.1.4 4	4.1.5 5	4.2.1 1	4.2.2 2	4.3.1 1	4.3.2 2	4.4.1 1	4.4.2 2	4.4.3 3	4.4.4 4	4.4.5 5	4.5.1 1	4.5.2 2	4.5.3 3			
I	Giáo dục đại cương																																											
	Các học phần đại cương chung (21)																																											
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K3			K3									S2		A4																											
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K3												S2		A4																											
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3			K3									S2		A4																											
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	K3												S2		A4																											
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3			K3									S2		A4	A3																										
6	ENG10001	Tiếng Anh 1																		S2		S2																						

[illegible]

[illegible]

27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội								K3			S3		A4												C4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
----	----------	------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	----	--	--	----	--	----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[illegible]

